

**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG**

Số: 03/2018/TT-BTTTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

THÔNG TƯ

BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VỀ SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 201-CP ngày 26/5/1981 của Hội đồng Chính phủ về quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình.

Điều 2. Phạm vi định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình ban hành kèm theo Thông tư này quy định các mức hao phí tối đa trực tiếp trong sản xuất chương trình truyền hình, bao gồm: Hao phí về nhân công (chưa bao gồm hao phí về di chuyển ngoài phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ quan sản xuất chương trình truyền hình đóng trụ sở); Hao phí về máy móc thiết bị (bao gồm máy móc, thiết bị dùng chung); Hao phí về vật liệu sử dụng trong sản xuất chương trình truyền hình, đảm bảo chương trình đủ điều kiện phát sóng hoặc đăng tải lên mạng Internet theo quy định của pháp luật về báo chí.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm:

- Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức sản xuất chương trình truyền hình.
- Các cơ quan báo chí được cấp phép hoạt động truyền hình (sau đây gọi tắt là cơ quan báo hình) được giao dự toán ngân sách nhà nước để sản xuất chương trình truyền hình.
- Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến sản xuất chương trình truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất các chương trình truyền hình áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.
2. Thông tư số 30/2010/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức áp dụng tạm thời về hao phí lao động, hao phí thiết bị trong sản xuất các chương trình truyền hình hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Căn cứ định mức hao phí tối đa về sản xuất chương trình truyền hình và hướng dẫn áp dụng ban hành kèm theo Thông tư này, các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương quy định các định mức cụ thể sản xuất chương trình truyền hình phù hợp với điều kiện thực tế nhưng không vượt quá mức định mức hao phí tối đa.
4. Đối với các chương trình truyền hình thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công do cấp có thẩm quyền ở Trung ương ban hành nhưng chưa được ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật kèm theo Thông tư này, cơ quan báo hình sản xuất chương trình tổ chức xây dựng định mức và báo cáo cơ quan chủ quản đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, ban hành hoặc chấp thuận để cơ quan chủ quản ban hành.
5. Đối với việc quản lý sản xuất chương trình truyền hình thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do địa phương ban hành (ngoài phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công do cấp có thẩm quyền ở Trung ương ban hành), các địa phương tổ chức xây dựng, xét duyệt và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.
6. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Công TTĐT Bộ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ quan báo hình;
- Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, KHTC.

Trương Minh Tuấn

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

VỀ SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Phần I

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Giải thích từ ngữ

Trong định mức này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Báo hình” là loại hình báo chí sử dụng hình ảnh là chủ yếu, kết hợp tiếng nói, âm thanh, chữ viết, được truyền dẫn, phát sóng trên các hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ khác nhau.
- b) “Sản phẩm báo chí” trong báo hình là kênh truyền hình (bao gồm các chương trình truyền hình được sắp xếp ổn định, liên tục, được phát sóng trong khung giờ nhất định và có dấu hiệu nhận biết).
- c) “Chương trình truyền hình” là tập hợp các tin, bài trên báo hình theo một chủ đề trong thời lượng nhất định, có dấu hiệu nhận biết mở đầu và kết thúc.
- d) “Tư liệu khai thác” bao gồm:

Các chương trình truyền hình đã phát sóng được khai thác, sử dụng lại một phần trong sản xuất chương trình mới.

Các tư liệu hình ảnh, âm thanh do đơn vị sản xuất hoặc của các đơn vị khác sản xuất được sử dụng cho việc sản xuất chương trình truyền hình mới.
- đ) “Khung chương trình thời sự” là danh mục tin, bài, phóng sự ngắn,... được phát trong chương trình thời sự.
- e) “Bản tin truyền hình” là bản tin, chương trình truyền hình chuyển tải các tin tức, sự kiện, vấn đề thời sự trong nước, thế giới hoặc thông tin có tính chất chuyên đề.
- g) “Bản tin truyền hình ngắn” là bản tin, chương trình truyền hình chuyển tải các tin tức, sự kiện, vấn đề thời sự trong nước, thế giới... có thời lượng không quá 5 phút.
- h) “Bản tin truyền hình trong nước” là bản tin, chương trình truyền hình chuyển tải các tin tức, sự kiện, vấn đề thời sự trong nước.
- i) “Bản tin truyền hình tiếng dân tộc biên dịch” là bản tin, chương trình truyền hình đã phát sóng bằng tiếng Việt (tiếng dân tộc Kinh) được biên dịch sang tiếng dân tộc thiểu số.
- k) “Bản tin truyền hình chuyên đề” là bản tin, chương trình truyền hình về một vấn đề mang tính chuyên môn sâu.
- l) “Bản tin truyền hình quốc tế biên dịch” là bản tin, chương trình truyền hình được khai thác từ các nguồn tin của nước ngoài, biên dịch sang tiếng Việt.
- m) “Bản tin truyền hình biên dịch sang tiếng nước ngoài” là bản tin, chương trình truyền hình được biên dịch sang một hay nhiều ngôn ngữ tiếng nước ngoài từ bản tin, chương trình tiếng Việt.
- n) “Bản tin truyền hình thời tiết” là bản tin, chương trình truyền hình về nội dung thời tiết.
- o) “Bản tin truyền hình chạy chữ” là bản tin, chương trình truyền hình cung cấp nội dung thông tin gồm hình ảnh và chữ chạy trên màn hình.
- p) “Chương trình truyền hình thời sự tổng hợp” là chương trình truyền hình đề cập nội dung, chủ đề về sự kiện, lĩnh vực xã hội quan tâm và có hình thức thể hiện đa dạng, phong phú.
- q) “Chương trình truyền hình có phụ đề” là chương trình truyền hình có phụ đề bằng chữ theo ngôn ngữ phù hợp trên hình ảnh để làm rõ nội dung, chủ đề.

r) “Phóng sự truyền hình” là chương trình truyền hình vừa chuyển tải nội dung thông tin, vừa đi sâu phân tích, đánh giá và định hướng dư luận xã hội về những sự kiện, sự việc và vấn đề đang được xã hội quan tâm.

s) “Ký sự truyền hình” là chương trình truyền hình ghi lại, phản ánh chân thực các nhân vật, sự kiện, sự việc có thật.

t) “Phim tài liệu truyền hình” là chương trình truyền hình có cấu trúc chặt chẽ nhằm mục đích khám phá sự kiện, hiện tượng, con người trong đời sống hiện thực một cách chi tiết.

u) “Tập chí truyền hình” là chương trình truyền hình chuyên sâu về một lĩnh vực nào đó trong đời sống xã hội.

v) “Tọa đàm - giao lưu trên truyền hình” là chương trình thể hiện các nội dung trao đổi, thảo luận về vấn đề, sự kiện, hiện tượng nảy sinh trong cuộc sống được xã hội quan tâm.

x) “Tư vấn qua truyền hình” là chương trình truyền hình có nội dung tư vấn, giải đáp và hướng dẫn kiến thức về một chủ đề, lĩnh vực cho khán giả.

y) “Truyền hình trực tiếp” là chương trình truyền hình được sản xuất và phát sóng trực tiếp khi sự kiện đang diễn ra.

aa) “Trả lời khán giả qua truyền hình” là chương trình truyền hình có nội dung giải đáp các câu hỏi của khán giả.

ab) “Cập nhật chương trình truyền hình lên mạng Internet” là việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật để đăng tải các chương trình truyền hình lên mạng Internet.

2. Nội dung định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật này gồm nội dung và mức hao phí trực tiếp để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định (mô tả trong thành phần công việc) trong sản xuất chương trình truyền hình. Cụ thể:

- Hao phí vật liệu: là các loại vật liệu (giấy, mực in,...) cần thiết sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chương trình truyền hình. Mức hao phí trong định mức được xác định bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể.

- Hao phí nhân công: là lao động cần thiết của các cấp bậc lao động bình quân thực tế tham gia sản xuất chương trình truyền hình. Mức hao phí trong định mức được tính bằng công, mỗi công tương ứng với 8 giờ làm việc.

- Hao phí máy móc, thiết bị: là các loại máy móc, thiết bị được sử dụng trong sản xuất chương trình truyền hình. Máy móc, thiết bị để sản xuất chương trình thể hiện trong định mức là loại thiết bị phổ biến, tiên tiến mà các cơ quan báo hình đang sử dụng. Mức hao phí trong định mức được tính bằng giờ sử dụng máy.

Các hao phí khác (năng lượng, vật liệu trang trí trường quay, thẻ nhớ và các chi phí trực tiếp khác) được tính và phân bổ cho sản xuất chương trình truyền hình khi lập đơn giá, dự toán kinh phí.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình không bao gồm các hao phí truyền dẫn, phát sóng, đăng tải chương trình lên mạng Internet.

3. Kết cấu định mức

a) Kết cấu bộ định mức bao gồm:

- Phần I: Hướng dẫn chung.

- Phần II: Định mức sản xuất chương trình truyền hình.

- Phần III: Phụ lục - Biên dịch và phụ đề.

b) Kết cấu bảng định mức:

Mỗi bảng định mức sản xuất chương trình truyền hình được trình bày bao gồm: Mã hiệu, thành phần công việc, bảng định mức, ghi chú. Trong đó:

- Thành phần công việc: Là các nội dung công việc chính thực hiện sản xuất một chương trình truyền hình.

- Bảng định mức: Bao gồm các thành phần và mức hao phí về nhân công, máy móc, thiết bị, vật liệu để hoàn thành các công việc tương ứng trong sản xuất chương trình truyền hình.

4. Áp dụng định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật này được áp dụng để sản xuất chương trình truyền hình theo tiêu chuẩn công nghệ SDTV, công nghệ HDTV và đủ điều kiện chất lượng phát sóng.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình ban hành kèm theo Thông tư này là định mức tối đa (không bao gồm hao phí trong hoạt động truyền dẫn, phát sóng truyền hình) áp dụng để quản lý sản xuất chương trình truyền hình trong phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền ở Trung ương ban hành.

c) Các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động sản xuất chương trình truyền hình quy định áp dụng cụ thể định mức phù hợp với lĩnh vực, địa bàn sản xuất nhưng không được vượt quá định mức ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Các cơ quan báo hình căn cứ quy định của cấp có thẩm quyền về áp dụng định mức ban hành kèm theo Thông tư này được quy định chi tiết việc áp dụng định mức phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất chương trình truyền hình tại cơ quan mình.

đ) Đối với các chương trình có thời lượng sản xuất thực tế (không bao gồm thời lượng quảng cáo, nếu có) có sai số tăng, giảm không quá 3% (nhưng không quá 30 giây đối với chương trình có thời lượng từ 10 phút trở lên) so với thời lượng của định mức thì được áp dụng theo định mức cụ thể do cơ quan có thẩm quyền đã quy định.

Đối với các chương trình có thời lượng sản xuất thực tế (không bao gồm thời lượng quảng cáo, nếu có) có sai số tăng, giảm quá 3% (hoặc quá 30 giây đối với chương trình có thời lượng từ 10 phút trở lên) so với thời lượng của định mức thì áp dụng công thức để nội suy ra mức hao phí theo thời lượng thực tế của chương trình có cùng thể loại, cụ thể:

- Trường hợp định mức sản xuất chương trình đã ban hành có hai nấc thời lượng mà việc sản xuất chương trình thực tế có cùng thể loại nhưng có thời lượng khác với thời lượng và nằm trong khoảng giữa hai nấc thời lượng trong bảng định mức thì được tính bằng công thức nội suy:

$$A = a_1 + (a_2 - a_1) \times (B - b_1) : (b_2 - b_1)$$

Trong đó:

A: Định mức các thành phần hao phí (nhân công, vật liệu, máy móc, thiết bị sử dụng) tương ứng tại thời lượng B

B: Thời lượng chương trình cần xác định định mức

b1: Thời lượng tại cận dưới liền kề với thời lượng B